TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-12-2023
"v/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên và ông Nguyễn Đức Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 383/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 và Thông báo số 24/2023/TB-TA ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1987; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số nhà G, phố C, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Liên Bang Nga. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số nhà G, phố C, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Vương Quốc Anh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của UBND xã N, thành phố H), nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là phường V), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/3/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường hay xảy ra cãi vã, xô xát. Cuối năm 2007, vợ chồng chị cùng đi lao động tại Liên Bang N. Năm 2012, anh H chuyển sang làm việc tại V. Từ khi sống xa nhau, vợ chồng chị không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người được chị N ủy quyền về việc giao, nộp các văn bản tố tụng của Tòa án là chị Vũ Thị T trình bày: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, chị đã thông tin cho chị N biết. Do hiện nay chị N đã quay lại Liên Bang Nga nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Quan điểm của chị N vẫn giữ nguyên như trong đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh H ở Vương Quốc Anh nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H. Ông Nguyễn Văn N2 (là bố đẻ anh H) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết. Quan điểm của anh H là do vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân nhau từ lâu nên chị N có đơn xin ly hôn, anh H đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn H hiện đang sinh sống và làm việc tại Vương Quốc Anh, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh H đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở Vương Quốc Anh. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn N2 là bố đẻ của anh H để ông N2 thông tin lại cho anh H biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh H. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là phường V), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/3/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2007, vợ chồng chị cùng đi lao động tại Liên Bang Nga. Đến năm 2012, anh H chuyển sang Vương Quốc Anh làm việc còn chị N vẫn ở lại Liên Bang Nga. Từ đó, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Thông qua gia đình, anh H trình bày vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu nên chị N có đơn xin ly hôn, anh H đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2023/0001153 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N, anh Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất